TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 82/2026/QĐST-HNGĐ	KH, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 612/2026/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2025 về việc "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thế T** – sinh năm 1969

Địa chỉ thường trú: 287 Phố G, xã T, thành phố N

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: 64/4 đường P, phường T, tỉnh H

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Thế T** và bà **Nguyễn Thị T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Thế T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Trâm A sinh ngày 18/12/2019 đến khi con chung trưởng thành. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng..

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T phải nộp 150.000 đồng án phí DS-ST (phần cấp dưỡng nuôi con). Ông Nguyễn Thế T tự nguyện nộp toàn bộ án phí thay cho bà Nguyễn Thị T. Như vậy, ông Nguyễn Thế T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Thế T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005102 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh H. Ông Nguyễn Thế T đã nộp đủ án phí.

Quy định: Kể từ ngày ông Nguyễn Thế T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND Khu vực 1 – H;
- THADS tỉnh H;
- UBND xã T(thị trấn T, huyện T cũ), Tp N(CNKH số 11 ngày 14/7/2020);
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Dương Thị Phương Dung